

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 30-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Thái;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1987 tại xã HN. Nơi cư trú: Xóm 2, xã HN, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Cương, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Phần, sinh năm 1961; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 02 tháng 6 năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, nhưng chưa được thi hành do Nguyễn Ngọc C bỏ trốn khỏi địa phương; nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, năm 2013 hết hạn tù về địa phương; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/9/2017 đến ngày 14/9/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. “Có mặt”

2. Trần Văn Tr, sinh năm 1992 tại xã HS. Nơi cư trú: Xóm 10, xã HS, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh Bình, sinh năm 1955 và bà Đỗ Thị Dung, sinh năm 1953; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2017 đến ngày 14/9/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. “Có mặt”

- *Bị hại:* Ông Phạm Quang H, sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị V, sinh năm 1968. Cùng cư trú tại: Xóm 5, xã HN, huyện HH, tỉnh Nam Định. “Vắng mặt”

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm 5, xã HN, huyện HH, tỉnh Nam Định. “Vắng mặt”

2. Chị Phạm Thị Bích Ng, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm 5, xã HN, huyện HH, tỉnh Nam Định. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 27/6/2017, Nguyễn Ngọc C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 90H2- 8797 đến nhà Trần Văn Tr và rủ Tr đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền ăn tiêu, Tr đồng ý. C điều khiển xe chở Tr đi lòng vòng qua các xã. Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực xóm 5, xã HN, phát hiện nhà của gia đình bà Đỗ Thị V, ông Phạm Quang H không bật đèn, C bảo Tr đứng ở ngoài cánh giới để C vào trong xem xét, nếu có gì thì lấy, Tr đồng ý. C mở cốp xe lấy chiếc đục sắt, loại phi 20, dài khoảng 35cm rồi trèo qua tường rào vào trong sân, phát hiện giữa nhà cấp 4 và nhà hai tầng được nối liền bằng cửa ra vào, hai cánh cửa gỗ được khóa bằng khóa Việt Tiệp đã cũ. C dùng đục sắt phá khóa, mở cánh cửa đi vào trong lục soát tài sản, phát hiện bên trong gian buồng nhà cấp 4 có chiếc tủ gỗ, loại tủ áo, cánh tủ bên phải không khóa. C mở cửa tủ tìm tài sản nhưng không có gì nên dùng chiếc đục sắt bẩy cánh cửa bên trái làm khóa bung ra, phát hiện 01 xấp tiền mệnh giá 100.000đ và 01 chiếc cặp số màu đen có khóa mã. C lấy xấp tiền bỏ vào túi quần và xách chiếc cặp số mang ra giữa cửa ngôi nhà cấp 4 với ngôi nhà 2 tầng để tại đó. Sau đó, tiếp tục đi lên ngôi nhà 02 tầng ở phía Đông lục soát, tìm kiếm tài sản, phát hiện chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng, khoảng 3,5 inch đã cũ để ở trên giường và khoảng 100.000đ tiền lẻ ở trên bàn, C lấy chiếc điện thoại và số tiền trên cho vào túi quần bên phải, đi ra lấy chiếc cặp số trèo qua cổng và bảo Tr chờ về. Tr điều khiển xe chở C đến đường đông thuộc xóm 9, xã Hải Hưng,

C xuống xe mang theo chiếc cặp số, dùng tay đập mạnh phần khóa vào cột điện, phần khóa và phần nhựa bung ra, kiểm tra thấy bên trong có vàng và một số giấy tờ nhưng không biết là loại giấy tờ gì. C mở cặp xe mô tô cho toàn bộ số vàng vào trong cặp, còn giấy tờ để nguyên trong cặp. Trên đường về, C vút cặp xuống sông tiêu nước thuộc khu vực cầu Thống Đường xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, sau đó cả hai đi về nhà Tr. C cầm số vàng vừa trộm cắp được vào trong nhà nhưng chỉ bỏ ra 10 chiếc nhẫn hình tròn loại vàng 999 gồm: 05 nhẫn loại 01 chỉ, 05 nhẫn loại 02 chỉ; 03 cục vàng 9999 hình quả trứng, mỗi cục 01 cây. Còn 02 miếng vàng SJC mỗi miếng 01 cây; 01 dây chuyền loại vàng 16K có trọng lượng 1,5 chỉ, xấp xỉ tiền 4.000.000đ loại mệnh giá 100.000đ và khoảng 100.000đ tiền lẻ thì C không bỏ ra cho Tr biết. C chia cho Tr 01 cục vàng loại 9999, 05 nhẫn vàng loại 01 chỉ, tổng cộng là 1,5 cây vàng 9999; số còn lại C giữ. Sau khi lấy được tài sản, C và Tr đem toàn bộ số tiền, vàng sang tỉnh Thái Bình, thành phố Hải Phòng ăn tiêu hết. Ngày 05 tháng 9 năm 2017, Tr đến Công an huyện Hải Hậu đầu thú còn Nguyễn Ngọc C bị Cơ quan cảnh sát điều tra ra lệnh bắt khẩn cấp. Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc C và Trần Văn Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận số 38/KL-HĐG ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Hậu kết luận: 02 miếng vàng SJC (mỗi miếng 01 cây) có trị giá 72.400.000đ; 03 cục vàng 9999 (mỗi cục 01 cây) có trị giá 100.800.000đ; 10 nhẫn tròn vàng 999 gồm 06 nhẫn loại 01 chỉ và 04 nhẫn loại 02 chỉ, tổng cộng là 14 chỉ có trị giá 47.040.000đ; 01 dây chuyền vàng 16K, trọng lượng 1,5 chỉ có trị giá 3.300.000đ; 01 điện thoại di động Samsung có trị giá 100.000đ. Tại bản kết luận số 44^a/KL-HĐG ngày 12/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Hậu kết luận 01 chỉ vàng 9999 có trị giá 3.360.000đ. Tổng giá trị tài sản là 227.000.000đ.

Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo Trần Văn Tr đã tác động gia đình nộp bồi thường tH hại số tiền 2.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

- Bị hại ông Phạm Quang H và các bị cáo thống nhất thỏa thuận bồi thường như sau: Bị cáo Nguyễn Ngọc C nhận bồi thường cho bị hại số tiền 180.700.000đ, Trần Văn Tr nhận bồi thường cho bị hại số tiền 50.400.000đ.

- Bị hại ông Phạm Quang H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn Tr.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2017.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138, điểm b,p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Văn Tr từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Văn Tr bồi thường cho gia đình ông Phạm Quang H và bà Đỗ Thị V số tiền 231.100.000đ. Trong đó, Nguyễn Ngọc C phải bồi thường số tiền 180.700.000đ, Trần Văn Tr phải bồi thường 50.400.000đ. Đối với bị cáo Trần Văn Tr cần tiếp tục tạm giữ 2.000.000đ (hai triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp hiện đang tạm giữ tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu để đảm bảo thi hành án; bị cáo còn phải nộp 48.400.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy chiếc đục sắt mà C và Tr dùng vào việc phạm tội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm có cơ hội hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Ngọc C, Trần Văn Tr tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Khoảng 19 giờ ngày 27/6/2017, lợi dụng gia đình ông Phạm Quang H và bà Đỗ Thị V ở xóm 5, xã HN, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đi vắng, Nguyễn Ngọc C và Trần Văn Tr đã phá khóa vào nhà lấy đi : 02 cây vàng SJC và 4,5 cây vàng 9999; 01 dây chuyền vàng loại 16K trọng lượng 1,5 chỉ; 4.100.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã cũ. Tổng giá trị tài sản Càn và Tr chiếm đoạt là 231.100.000 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi do mình thực hiện và đủ khả năng điều khiển hành vi của mình. Do đó cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Xét vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Nguyễn Ngọc C là người chủ mưu, cầm đầu, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên giữ vị trí số 1 trong vụ án. Khi được C rủ rê, lôi kéo thì Trần Văn Tr đã đồng ý, đứng ngoài cảnh giới, giúp sức cho C thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vị trí thứ yếu trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Ngọc C có 01 tiền sự về việc bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng C chưa thi hành; 01 tiền sử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Như vậy, Nguyễn Ngọc C là người có nhân thân xấu. Tuy nhiên, trong vụ án này, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Trần Văn Tr sau khi phạm tội đã ra đầu thú, có mẹ là người có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ được Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định tặng bằng khen; đã tác động gia đình bồi thường một phần tH hại cho người bị hại và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo được bị hại ông Phạm Quang H xin giảm nhẹ hình phạt nên Trần Văn Tr được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; vị trí, vai trò của các bị cáo đã được phân tích ở trên, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để

các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, hiện các bị cáo đang sống cùng với gia đình, không có nghề nghiệp và thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại ông H và các bị cáo thống nhất bồi thường TH hại cho ông Phạm Quang H và bà Đỗ Thị V số tiền 231.100.000đ. Đồng thời, các bị cáo thống nhất như sau: Bị cáo Nguyễn Ngọc C nhận bồi thường số tiền 180.700.000đ, Trần Văn Tr nhận bồi thường 50.400.000đ. Xét việc nhận bồi thường đối với bị hại của các bị cáo là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo. Riêng bị cáo Trần Văn Tr đã tác động gia đình tự nguyện nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền bồi thường TH hại cho bị hại tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Hải Hậu nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về xử lý vật chứng: Chiếc đục sắt mà C và Tr dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[8] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90H2-8797, các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Văn Tr dùng vào việc phạm tội, xe không có giấy tờ, chưa xác định được nguồn gốc chiếc xe nên cơ quan điều tra tách ra để xử lý sau là phù hợp.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, **án phí dân sự sơ thẩm** theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Văn Tr, riêng bị cáo Trần Văn Tr thêm điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; căn cứ các Điều 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt Nguyễn Ngọc C 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2017.

- Xử phạt Trần Văn Tr 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: - Bị cáo Nguyễn Ngọc C phải bồi thường tH hại cho ông Phạm Quang H và bà Đỗ Thị V số tiền 180.700.000đ (Một trăm tám mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Trần Văn Tr phải bồi thường tH hại cho ông Phạm Quang H và bà Đỗ Thị V số tiền 50.400.000đ (năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Tiếp tục tạm giữ 2.000.000đ (hai triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp hiện đang tạm giữ tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu tại biên lai số AA/2012/07483 ngày 28 tháng 3 năm 2018 để đảm bảo thi hành án; Bị cáo còn phải nộp 48.400.000đ (bốn mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các Tr hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc đục sắt.

(Vật chứng nêu trên được mô tả như Biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu ngày 09/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

4. Án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Văn Tr mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc C phải nộp 9.035.000đ (chín triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng); bị cáo Trần Văn Tr phải nộp 2.420.000đ (hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trong Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Công an huyện Hải Hậu: 03 bản;
- UBND xã HN, HS: 02 bản;
- Bị cáo: 02 bản;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Thung

